

Pièce  
INDO-CHINOIS  
875

Trúc - Khê Thư - Cục  
Tùng - thư

**LỊCH - SỬ NAM - TIỀN**  
của dân-tộc ta

Truyện nước ta giết Chiêm thành lãn Chân lạp  
Có cả bản đồ

SOẠN-GIẢ

**Ngô-văn-Triệu**

DEPOT LEGAL  
INDOCHINE  
N<sup>o</sup> 10975

IN LẦN THỨ NHẤT

Giá 0\$24



In tại  
Nhà in Long-Quang Hà-nội

**1929**

Soạn-giả giữ bản-quyền



*Depot legal  
Dau  
Antee  
2000  
1re  
exemplaires  
en  
3  
vols*

*Éditions et Auteurs  
N. Van Trien*

*Pièce  
804  
Indoch.  
875*

875



# TRÚC - KHÊ THƯ - CỤC

196 phố Hàng Bông Hanoi.

## Hồn Quê

Đó là một tập tùng văn rất có giá trị của ông Ngô-văn-Triệu, xin xem qua mục-lục dưới này :

*Hồn Quê I* : Tự ngôn — Ta nên phá bỏ cái làng cũ — Lược sử Nhật-bản — Văn văn — Nhân-dâm — Thư cho bạ — Truyện cũ nước nhà — Vườn hoa nữ giới (nữ cổ vấn, nữ tham mưu, nữ bí thư, nữ thư ký, nữ cách mệnh) — Một cái ý kiến về nhật lịch nước ta.

*Hồn Quê II* : Phương lược đối với các giặc dốt ở dân ta ngày nay — Khảo về cương vực nước ta — Văn văn (có dịch bài ca trường thiên của cụ Lê Quýnh) — Nhân dân hải đảo

Truyện cũ nước nhà — Lợn kêu ở đâu ? (Cảnh thế hoạt-kê tiểu-thuyết) — Vườn hoa nữ-giới (nữ tướng-quân, nữ quân-nhân, nữ trinh-thám, nữ tài-tử).

*Hồn Quê III* sắp ra, có : Phương-lược đối với cái giặc dốt ở dân ta ngày nay (bài nối) — Khảo về cương-vực nước ta (nối) — Lược truyện của ông Sái-Tùng-Pha — Diên văn của ông Trương-Giới-Thạch — Văn văn — Nhân-dâm hải-dâm — Truyện cũ nước nhà — Vườn hoa nữ-giới (nữ văn-hào, nữ giáo-tập, nữ học-sinh) — Bức thư tuyệt-mệnh (Xã-hội ai tình tiểu-thuyết).

Sách này mỗi quyển giầy 32 trang rộng, giá bán 0\$15. Ai mua buôn xin viết thư cho ông Ngô-văn-Triệu, chủ-nhiệm Trúc-Khê thư-cục 196 phố Hàng Bông Hanoi; mua lẻ hỏi tại các hàng sách Hanoi, Saigon và khắp các tỉnh lớn.

---

CẢI-CHÍNH — Lịch-sử Nam-tiến trang thứ 12 dòng thứ 30, chữ Đỗ-Hải xin đổi là Đỗ-Mãn.





# LỊCH-SỬ NAM-TIẾN

của dân-tộc ta

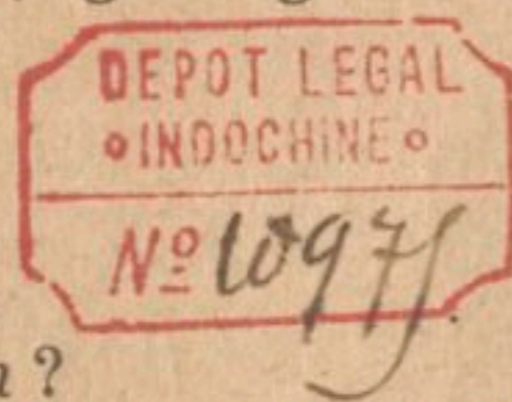
(VIỆT-NAM DÂN-TỘC NAM-TIẾN SỬ)

## ĐỀ-TỪ

Ba xứ non sông một giải liền,  
Máu đào xương trắng điểm tô nên.  
Cơ trời dù đôi trò tang hải,  
Mặt đất chưa tàn nghiệp tổ tiên.  
Có nước có dân đừng rẻ rúng,  
Muốn còn muốn sống phải đua chen.  
Giật mình nhớ truyện nghìn năm cũ,  
Chiêm Lạp ngày xưa vốn chẳng hèn.

Nhượng Tống kính đề

Bắc từ Lạng sơn, nam Hà-tiên,  
Non sông một giải ba kỳ liền.  
Con Hồng cháu Lạc cùng cư tụ,  
Con cháu còn chẳng nhớ tổ-tiên?  
Tổ tiên gây dựng biết bao công,  
Đánh Lạp bình Chiêm trái mấy đòng.  
Nghiệp cả nối noi nên kinh úy,  
Sao cho không hổ giống Tiên Rồng.



Tác-giả tự-đề





THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
LIBRARY

1919

1919



# LỊCH-SỬ NAM-TIẾN

## của dân-tộc ta

(*Việt-Nam dân-tộc nam-tiến-sử*)

Trúc - Khê **NGÔ - VĂN - TRIỆN** biên - soạn

---

Viên-tản cao xanh, Mê-công rộng lớn, non sông một dải, đất nước ba kỳ, vui vẻ thay anh em chị em hơn hai mươi triệu đồng bào ta ngày nay, được cùng nhau sinh tụ ở trên một cõi nước non hoa gấm, kẻ đi săn săn rừng, kẻ đi cấy sắn ruộng, kẻ làm thợ sắn đồ nguyên liệu, kẻ đi buôn sắn đường bễ sông, thực là một cõi rất thích nghi cho sự sinh-hoạt của dân tộc ta, tựa như ông giời kia có ý vì dân tộc ta mà riêng dành cho vậy. Tuy nhiên nói vậy mà thôi, muôn việc ở đời, ta chớ nên lầm tưởng có ông giời kia đã vì người mà đặt đê, dời sông chuyển núi, hết thầy đều do ở nhân-lực mà nên. Chúng ta ngày nay được cùng nhau sinh tụ ở trên các miếng đất Việt-Nam tốt tươi xinh đẹp của chúng ta đây, ta chớ nên lầm tưởng là do ở một sự ngẫu nhiên, chính là đã nhờ ở các bậc *liên-dân* của dân tộc ta trải qua mấy trăm nghìn năm, đã từng tưới dội biết bao nhiêu giọt máu đào mới bồi nên một cõi đất xinh đẹp tốt-tươi cho chúng ta ngày nay đó,



Than ôi ! tôi nghe có từng biết gây dựng gian nan, thì mới biết giữ gìn báu trọng, một gã thiếu-niên sinh ra ở cửa nhà hào phú, sẵn ông cha để cho tiền nghìn bạc vạn, tưởng chừng như tiền bạc là một vật nhất đầu cũng được, tha hồ mà hoang toàng, phung phí, dùng bậy tiêu càn, không còn biết đoái tiếc gì cả ; nhưng vì có người bảo cho nó biết cái nông nổi đồ biết bao nhiêu mồ hôi máu mặt của ông cha nó trong khi tu tạo nên cái cơ đồ ấy, nếu nó là kẻ lương tâm chưa mất hẳn, thì tất sẽ giật thót mình lại mà lo tự tu tự tỉnh tự phấn tự lệ để bảo toàn lấy công nghiệp huyết hãn của ông cha. Ấy tôi viết cuốn « Lịch sử nam tiến của dân tộc ta » đây chính tức là vì ý ấy.

Lịch sử nam tiến của dân tộc ta ra thế nào ?

Xét xem lịch sử mở mang bờ cõi của nước ta từ xưa đến nay, có thể gộp vào mà gọi là một cuộc nam tiến ; vì trước sau ta chỉ nhằm tiến về một mặt nam mà thôi. Bởi sao mà như thế ? Bởi vì địa thế của ta nó khiến như thế. Nước ta ngày xưa phía bắc giáp nước Tàu, phía nam giáp Chiêm, Lạp, phía đông giáp bể lớn, phía tây giáp Ai-lao. Ở giữa cái khoảng núi Tản sông Hồng kia nếu muốn khuếch trương bờ cõi cho rộng lớn thêm để có đủ thế lực mà lập nên một nước đứng đắn ở Á-đông, trừ tiến về mặt nam không còn mặt nào hơn nữa. Bởi vì mặt bắc giáp với nước Tàu là một nước lớn, lo chống chọi với họ để họ khỏi nuốt sống mình còn lo chưa nổi, mong gì khai thác về mặt ấy được ; mặt đông thì đã giáp bể ; mặt tây giáp với Ai-lao tuy là một nước nhỏ yếu, nhưng vì có nhiều núi cao rừng rậm ngăn cách, thành ra dầu muốn mở mang về mặt ấy cũng chưa thể được ; trừ ra chỉ còn mặt nam giáp với nước Chiêm-thành, nước Chiêm-thành lại giáp với nước Chân-lạp, vì có đường thủy, đường lục được tiện, vả hai dân ấy đều là dân nhỏ yếu có thể lấn át họ được, vì vậy mà sức bành trướng của dân tộc ta trước sau đều chỉ tràn về mặt nam. Tuy thế mặc



lòng, sự khai thác bờ cõi, há có phải là một việc dễ đâu ; huống chi dân Chiêm Lạp cũng không phải hoàn-toàn là giống hư hèn, cũng là những cái dân đã từng có một nền văn-minh rất sớm, thế mà lấy như một dân tộc nhỏ ở trong mảnh đất Giao-chỉ nọ, ngày lần tháng lữa, đã nghiêm nhiên phá diệt được cả Chiêm-thành lẫn Chân-lạp mà dựng nên một nước lớn Việt-Nam, đủ biết cái công phu huyết hãn của các đấng tiên dân ta xưa, thực đã lớn lao vô cùng vậy.

Cứ như các nhà nhân-chủng-học thì bảo dân tộc ta thuộc giống Mông-cổ, song cội gốc từ đâu mà đến thì mỗi sách nói một khác không sao đủ bằng cứ được. Sách thì bảo dân tộc ta là rông rõi Tây-tạng, sách thì bảo là rông rõi Giao-chỉ, sách thì bảo là rông rõi Việt thường, sách thì bảo là rông rõi nước Việt bên Tàu, tổng chi đều là những nhời ức đoán cả, chứ không lấy gì làm đích xác. Vậy chúng ta chỉ nên biết rằng chúng ta là riêng một dân tộc ở trong thế giới, tức ngày nay ta gọi là dân tộc Việt-nam.

Xét về cương vực nước ta đời Hùng dựng nước, đồ bản lúc ấy khác hẳn bây giờ ; cứ như sử cũ thì nói bây giờ phía đông giáp bể Nam, phía tây giáp Ba-thục (tỉnh Tứ-xuyên nước Tàu bây giờ) phía bắc đến hồ Đông đình (thuộc tỉnh Hồ-nam) phía nam đến nước Hồ-tôn (sau là Chiêm - thành), quốc hiệu là nước Văn-lang. Cuối đời Hùng vương (258 trước tây lịch), Thục Phán diệt nước Văn lang dựng nước Âu-lạc, tức là Thục An dương vương. Năm Đinh Hợi (214 trước T. L.), nước Âu lạc bị nước Tần đem quân sang lấn, lấy đất Lục lương mà đặt ra 3 quận : Nam hải (Quảng đông) Quế lâm (Quảng tây) Tượng quận (Quảng tây (1)) Cuối đời Tần (207 trước T. L.) quan Úy quận Nam hải nhà Tần là Triệu Đà đem quân diệt nước Âu lạc mà dựng

(1) Sử ta nói Tượng-quận nhà Tần là đất Bắc-kỳ Trung-kỳ bây giờ song so sánh địa-lý và chứng với các sách thì Tượng-quận chính thuộc về một phần đất của tỉnh Quảng-tây nước Tàu ngày nay.



nên nước Nam Việt, xưng là Triệu Vũ vương, đất cát gồm có 3 quận trên và cả đất của Thục An dương vương. Năm Canh ngọ (111 trước T. L.) đời Thuột dương vương nhà Triệu, nước Nam Việt bị nước Hán diệt mất, thế là từ đó phải nội thuộc về Tàu, Đời Hán Quang Vũ năm Kiến vũ thứ 16 (Tây lịch 40) vua Trưng giấy quân đuổi quan Thái thú nhà Hán là Tô Định, lấy lại được 65 thành đất Lĩnh nam. Cứ theo như sách Thoái thực ký văn của cụ Trương Quốc Dụng chép thì nói nước ta sau khi nội thuộc về nhà Tây Hán, nhà Hán chia đất đặt ra 9 quận là Nam hải, Uất lâm, Thương ngô, Hợp phố, Nhật nam, Cửu châu, Giao chỉ, Đam nhĩ, Châu nhai mà gọi chung là bộ Giao chỉ, sau lại bãi 2 quận Châu nhai Đam nhĩ mà hợp vào làm 7 quận, quận Giao chỉ lĩnh 12 thành, (tức là huyện), quận Cửu châu lĩnh 5 thành, quận Nhật nam lĩnh 5 thành, quận Nam hải lĩnh 7 thành, quận Thương ngô lĩnh 11 thành, quận Uất lâm lĩnh 11 thành, quận Hợp phố lĩnh 5 thành, cả thảy là 56 thành ; vậy thì Đại Việt sử ký chép là vua Trưng đánh đuổi Tô Định lấy được 65 thành, có lẽ là số 56 mà nhầm ra là 65 chăng ? Như thế thì đời vua Trưng cũng có thu phục được cả Quảng đông Quảng tây vậy.

Sau khi vua Trưng mất nước, nước ta lại nội thuộc về nhà Đông-Hán. Năm Kiến-an thứ 15 (210) đời Hán Hiến-đế, nhà Hán đổi bộ Giao-chỉ mà đặt làm Giao-châu. Năm Hoàng-vũ thứ 5 (226) nhà Ngô, Ngô-Tôn-Quyền cắt 3 quận Nam-hải, Thương-ngô, Uất lâm lập làm Quảng-châu, còn 4 quận kia vẫn để làm Giao châu, nhưng không bao lâu lại hợp lại như cũ. Đến năm Vĩnh-an thứ 7 (264), Ngô-Tôn-Hưu lại lấy 3 quận trước mà đặt làm Quảng châu, châu Giao châu Quảng chia hẳn ra bắt đầu từ đấy, mà chính là khởi điểm cho sự mất đi quá nửa phần đất của nước ta vậy. Từ đấy về sau trải qua mấy phen cách mệnh, nhưng người mình cũng chỉ khôi phục được đất châu Giao mà thôi ; đến đời Ngô, Đinh độc lập mà đất châu Quảng đã không còn mong gì khôi phục lại được nữa.



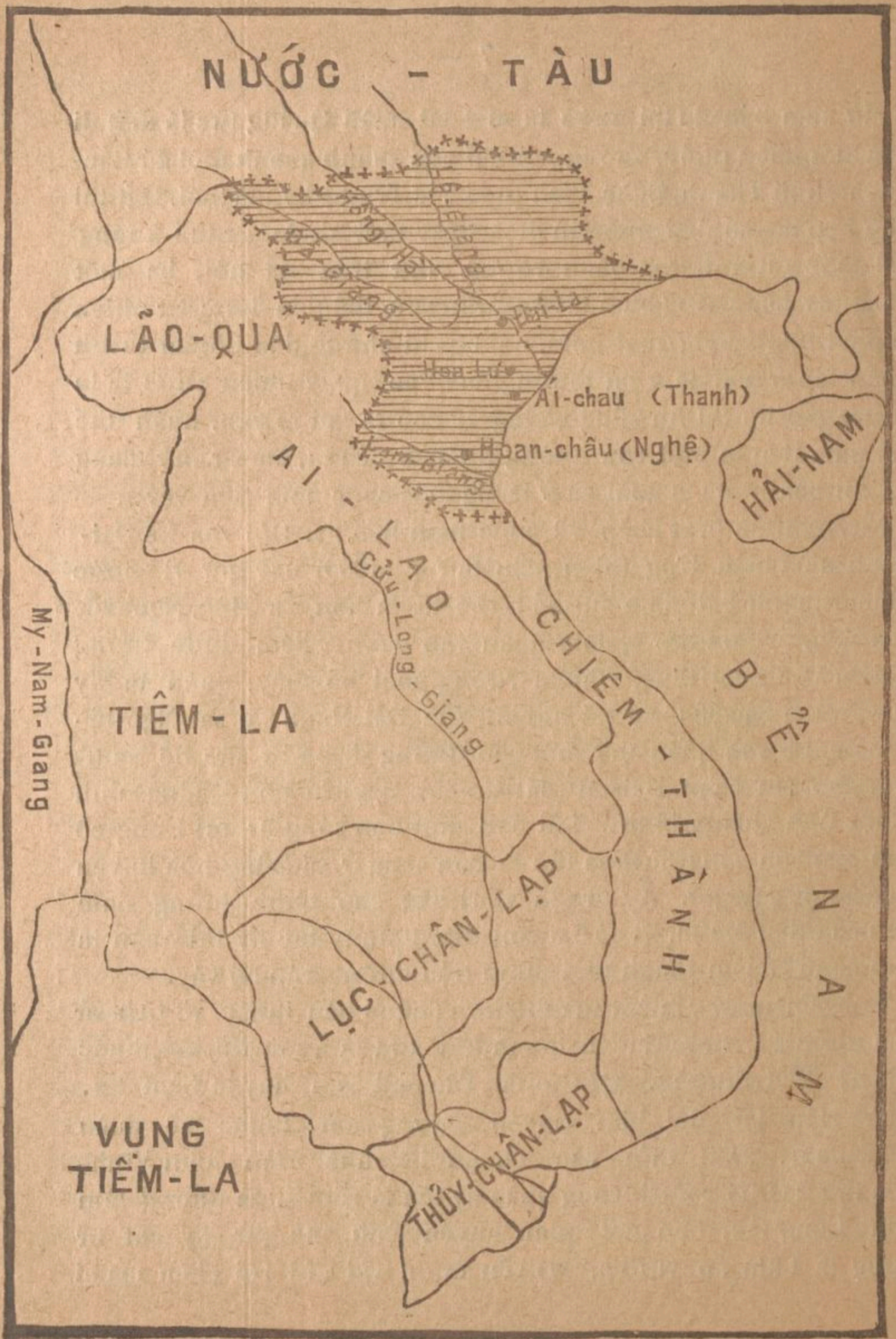
Mở xem bản-đồ thì nước ta mất đất châu Quảng tức là mất đi quá nửa phần nước, cương vực chỉ còn quanh quanh một xứ Bắc-kỳ và 3 tỉnh Thanh, Nghệ Tĩnh phía bắc Trung-kỳ mà thôi. Đất thì nhỏ hẹp mà số dân sinh sản một ngày một nhiều, sự thế không thể không tìm đường bành trướng. Như trên đã nói, ba mặt đông tây bắc không phải là con đường có thể tiến được, tự nhiên là phải tiến xuống mặt nam, huống chi những dân Chiêm thành Chân Lạp ở mặt nam lại thường hay vào quấy nhiễu nước ta, ta chẳng giết họ thì họ cũng chẳng để cho ta được yên, nhân thế mà nam tiến là một con đường phải đi của ta, mà sự mở mang bờ cõi của nước ta gồm cả ở trong một cuộc nam tiến vậy.

Nay xin lần lượt chép về cuộc nam tiến ấy. Đời vua Lê Đại-Hành niên hiệu Ứng thiên năm thứ 8 (1000) bấy giờ vì nước Chiêm-thành bắt giam sứ-giả nước ta là bọn Từ-Mục, Ngô-Tử, vua giận, tự làm tướng đem quân vào đánh, chém được tướng Chiêm là Ty-mi-thuế, Chiêm-vương phải bỏ chạy, quân ta lấy được vàng bạc của cải rất nhiều. Vua Đại-Hành lại sai Ngô-tử-Yên đem 3 vạn quân mở một con đường đi bộ từ cửa bể Nam-giới cho đến châu Đại-lái (đất Chiêm, nay là phủ Quảng-ninh thuộc tỉnh Quảng-bình). Lại đào một con sông từ núi Đồng-cổ cho đến con sông Bà-hòa tức là con sông ở xã Đồng-hòa huyện Ngọc-sơn bây giờ. Ấy tức là khởi đầu cho bước đường nam tiến của dân tộc ta, vì có hai con đường thủy lục ấy thì quân ta vào đánh Chiêm-thành mới được tiện đường vận tải vậy.

Nói đến nước Chiêm-thành tưởng cũng nên thuật về lịch-sử của nước ấy. Nước Chiêm-thành khi xưa là nước Hồ-tôn, thuộc về bộ Việt-thường. Đến nhà Tần đặt làm huyện Lâm ấp. Nhà Hán lại đổi làm huyện Tượng-lâm thuộc về quận Nhật-nam. Đến thời vua Thuận-đế nhà Hán năm Vĩnh-hòa thứ 2 (137) người trong quận ấy tên là Khu-Liên đương làm chức Công-tào, bèn giết quan huyện lệnh mà giữ lấy đất tự xưng là Lâm ấp vương. Truyền được vài đời rồi cháu ngoại



Bản đồ nước ta về đời vua Lê-Dại-Hành





là Phạm-Dật kế-lập, Dật mất, người tướng là Phạm-Văn cướp ngôi (1), rồi đánh lấn lấy đất nước láng giềng, từ đó nước mới rộng lớn, đông tây rộng 700 dặm, nam bắc dài 3000 dặm ; phía nam gọi là châu Thi bị, phía tây gọi là châu Thượng nguyên, phía bắc gọi là châu Ô ly. Thống trị cả thảy 38 châu.

Đời vua Mục-đế nhà Tấn (347), Phạm-Văn đem quân đánh đất Nhật-nam rồi chiếm lấy đất, nói với quan Thứ-sử Giao-châu là Chu-Phồn, xin từ núi Hoàn-son ở phía bắc Nhật nam làm địa giới của mình. Phồn không nghe. Đến khi Văn mất, con là Phật lên nối ngôi vẫn đóng ở Nhật-nam ; sau bị quan Thái-thú Cửu châu là Quán-Toại đánh đuổi đi bèn lại trở về Lâm ấp.

Năm Nghĩa-hy thứ 9 (413) đời nhà Tấn, vua Lâm-Ấp là Phạm-hồ-Đạt vào cướp quận Cửu-châu, bị quan Thứ-sử Giao-châu là Tuệ-Độ đánh chém được. Đến đời Nguyên gia nhà Tống, vua Lâm-ấp là Phạm-dương-Mại sai sứ sang cống bên nhà Tống và xin được lĩnh Giao-châu, nhà Tống không cho, bèn lại cướp bóc như cũ. Nhà Tống sai Đán-hòa-Chi và Tôn-Xác đi đánh, phá được quân Lâm-ấp. Dương-Mại chỉ thoát được một mình chạy trốn. Đến sau Phạm-Chi nối ngôi, lại vào cướp Nhật-nam. Thời vua Dượng-đế nhà Tùy niên hiệu Đại-nghiệp năm đầu (605), sai Tổng-quản Hoan-châu là Lư-Phương đến đánh, đem quân sang dò Đờ-lê đi qua về phía nam cột đồng trụ 8 ngày mới vào đến quốc đô. Phương vào thành, bắt được 18 bộ thần chủ bằng vàng, bởi vì truyền quốc đến đó được 18 đời vậy. Thế là

(1) Phạm-Văn nguyên là một tên đầy tớ của Phạm-Ấn là quan úy-huyện Tây quyền về quận Nhật-nam. Thường vào chăn trâu trong khe núi bắt được con cá chép hóa thành sắt. Văn đem đúc ra thanh gươm, rồi ngoảnh vào mặt giới mà khẩn rằng : Nếu số tôi đáng làm vua nước này thì xin cho tôi chặt vỡ được hòn đá này. Khẩn đoạn, chặt hòn đá quả nhiên vỡ. Văn có ý lấy làm lạ. Sau ra làm tướng. Đến khi Lâm-Ấp vương Phạm-Dật mất, Văn bèn cướp lấy ngôi rồi đánh lấn các nước láng giềng, trong tay có tới 3, 4 vạn quân. Từ đó mở rộng đất đai mà thành ra nước lớn,



Lâm-ấp bị diệt, từ đó đất thuộc về nhà Tùy. Nhà Tùy chia đất ra làm 3 châu là Đãng-châu (Quảng-bình Quảng-trị, Thừa-thiên), Nông-châu (Quảng-nam Quảng-nghĩa) Xung-châu (Bình-định Phú-yên). Kế lại đổi Đãng-châu làm quận Ty-cảnh, thống 4 huyện Ty-cảnh, Chu-ngô, Gia-lãnh, Tây-quyền, Nông-châu làm quận Hải âm, thống 4 huyện Tân-dung, Chân-long, Đa-nông An-tạc, Xung-châu làm quận Lâm-ấp, thống 4 huyện Tương-phổ, Kim-sơn, Giao-giang, Nam-cực. Cuối đời nhà Tùy. Phạm-Chí lại họp quân chiếm giữ đất cũ. Đầu đời Đường, nhà Đường lại dụ hàng được, mới đổi Lâm-ấp làm Lâm-châu, Ty-cảnh làm Cảnh-châu, Hải-âm làm Sơn-châu. Năm Trinh quán thứ 2 (628), cháu Phạm-Chí là Phạm-đầu-Lê khôi phục được nước, sai sứ dâng hạt Hỏa-châu, chim yềng ngũ sắc và sừng thông-thiên-tê sang nhà Đường. Đầu Lê mất, con là Trần Long nối ngôi, song lại bị tên Ma-a-man Đa-gia-độc giết mất. Người trong nước bèn lập người con nhà cô Đầu Lê là Chư-cát-Địa lên làm vua, đổi quốc hiệu gọi là nước Hoàn vương. Trong năm Nguyên hòa đời Đường Hiến-tôn, nước Hoàn vương lại vào cướp châu Hoan (Nghệ Tĩnh), châu Ái (Thanh), phải quan Đô bộ An nam là Trương-Chu đánh phá, bèn bỏ Lâm-ấp mà dời nước vào Chiêm, gọi là nước Chiêm-thành (vì chỗ đó có núi Chiêm bất lao).

Đến khi nước ta độc lập, về thời nhà Đinh, Chiêm-thành định vào cướp Kinh-thành Hoa-lư (Ninh-bình), song hải quân vượt qua cửa bể Đại ác thì bị bão mà vỡ quân phải chạy. Đến đời nhà Lê, Chiêm-thành lại bắt giam sứ giả nước ta, vì vậy quân ta vào đánh chém được tướng Chiêm và phá tan thành mà trở về.

Đến đời nhà Lý vua Thái tổ năm Thuận thiên thứ 2 (1011) quân ta lại vào đánh Chiêm-thành ở trại Bồ chinh (Quảng bình) mà đuổi đến tận núi Long ty (núi này nay ở phía tây huyện Bình-chính 5 dặm). Đời vua Thái-tôn, nhân nước Chiêm



thành đã cách 13 năm không chịu vào xưng đồ cống hiến, vua Thái-tôn bèn định ra oai cho họ biết sợ, mới đóng ra mấy trăm chiếc tàu chiến theo các hình rồng phượng cá rắn hùm beo anh võ, luyện lập quân thủy quân bộ cho được tinh nhuệ. Niên hiệu Thiên cảm thánh võ năm đầu (1044), quân ta bèn đại cử vào đánh Chiêm, do vua Thái tôn thân đi làm tướng, theo đường thủy tiến vào cửa bể Ô-long (nay là cửa Tư-hiền, ở phía đông bắc huyện Phú lộc 1 dặm thuộc về tỉnh Thừa thiên) đánh nhau với Chiêm thành một trận, quân họ phải thua, chém được vua họ là Xạ-Đầu và giết chết quân họ hơn 3 vạn người, bắt sống được 5 nghìn người, 30 con voi. Rồi tiến vào thành Phật-thệ (ở xã Nguyệt-biêu tỉnh Thừa thiên bây giờ) bắt vợ con vua họ đem về (1). Còn những người của nước ấy bắt được thì đem phân sáp vào trấn Vĩnh-khang, (tức phủ Tương dương Nghệ an) trấn Đẳng châu (tức phủ Quy hóa) mà lập ra làm phò mã ấp. Đời vua Thánh-tôn niên hiệu Thiên-huống-bảo-tượng năm thứ 2 (1069), quân Chiêm vào cướp, vua giao cho nguyên-phi quyền coi việc nước, tự làm tướng đi thân chinh, bắt được vua Chiêm là Chế-Củ và 5 vạn người đem Chiêm về. Chế-Củ xin dâng đất 3 châu là châu Địa lái (nay là đất phủ Quảng-ninh tỉnh Quảng-bình), châu Bố-chinh (nay là đất phủ Quảng-Trạch tỉnh Quảng-bình), châu Ma linh (nay là đất phủ Triệu phong tỉnh Quảng-trị) để chuộc tội mới được tha về. Đời vua Nhân Tôn năm Thái-ninh thứ 4 (1075), vua sai ông Lý-thường-Kiệt vào kinh lý 3 châu ấy, vẽ thành địa đồ, đổi châu Địa lái làm châu Lâm bình, châu Bố-chinh làm châu Bố-chinh, châu Ma linh làm châu Minh linh, rồi chiêu dụ cho dân đường ngoài vào ở. Chế-Củ mất, Chế-ma-Na nối ngôi, lại cướp lấy 3 châu ấy. Năm Long-phù thứ 4 (1104), quân ta lại vào đánh, do ông Lý-thường-Kiệt làm tướng, đánh

---

(1) Trận này vua Lý-Thái-Tôn có bắt được vợ Chiêm-vương Xạ-đầu là nàng My-ê, đem về đến sông Châu-giang (Phủ-Lý) thì nàng gieo mình xuống dòng sông tự-tấn.



phá được Chiêm-thành, Chế-ma-na lại phải nộp giả đất 3 châu. Thế là đất Quảng bình và một phần đất Quảng trị từ đó thuộc hẳn về ta vậy.

Thời vua Lý-Thần-Tôn, Chiêm thành cùng Chân-lạp ra cướp Nghệ-an, bị quan Thái thú là Dương anh Nhĩ đánh thua phải chạy. Sau họ lại thường hay đem thủy sư cướp bóc các miền ven biển.

Sang đời nhà Trần, vua Thái-tôn đi thân chinh, bắt được vua Chiêm là Lâu-bổ-gia-la và những nhân dân đem về. Năm Hưng Long thứ 10 đời vua Trần-Anh-Tôn (1302), vua Chiêm thành là Chế-Mân sai sứ ra cầu hôn và xin nộp hai châu Ô, Ly làm đồ cưới. Vua Anh-tôn đem bà Huyền-Trân công chúa gả cho rồi đổi châu Ô làm Thuận châu (đất phía nam tỉnh Quảng trị) châu Ly làm Hóa châu (Thừa thiên và phía bắc Quảng nam). Thế là bước đường nam tiến của dân tộc ta bấy giờ đã tiến đến nửa tỉnh Quảng-nam rồi vậy.

Sau đó Chiêm thành thường hay đem quân ra cướp để báo thù. Cuối đời nhà Trần, Chiêm thành 3 lần ra cướp phá kinh thành Thăng-long và mấy lần cướp phá Thanh Nghệ, nhân dân cũng chết hại rất nhiều, vua Trần-Duệ tôn đi thân chinh (1376) dẫn quân đến cửa bể Thi nại (ở phía đông huyện Tuy phúc tỉnh Bình-định bây giờ), vua Chiêm là Chế-bồng-nga trá hàng rồi phục quân mà đánh chặn ngang, vua Duệ-tôn phải tử trận, quân sĩ chết mất nhiều lắm. Đời vua Thuận tôn, Thượng tướng quân Trần-Khát-Trân đón đánh ở sông Hải trào, Chế-bồng-nga tin phải đạn mà chết; bộ tướng là La Khải dẫn quân về giữ lấy nước tự lập làm vua, bấy giờ cái nạn giặc Chiêm thành mới được tạm yên.

Đời nhà Hồ niên hiệu Thánh nguyên năm đầu (1400), Hồ-Quý-Ly sai Hành-khiển Đỗ Hải làm Thủy quân đô tướng, tướng Tả thánh dực quân Trần-Vấn làm Đồng đô, tướng, tướng



Long-tiếp-quân Trần Tùng làm Bộ quân đô tướng, tướng Hữu thánh dực quân Đỗ nguyên Thác làm Đồng đô tướng, đem 15 vạn quân đi đánh Chiêm-thành. Bộ quân đô tướng Trần-Tùng vì nghe nhời Đinh-đại-Trung, dẫn quân đi tận mạn sơn cước, cách xa với thủy quân quá, xảy gặp khi mưa lũ nước lụt, tướng sĩ đành đóng lại ở đũa đường, tuyết lương trong 3 ngày giới, phải nướng áo giáp bằng da ra mà ăn. Khi hồi quân, Trần Tùng xuýt phải tội chém, nhưng vì có công lao trước, được miễn tội chết mà phải đầy làm quân lính.

Năm Thiệu thành thứ 2 (1402) mùa xuân tháng hai, vua Hồ-Hán-Thương sai sửa định quân ngũ. Tháng ba sai sửa một con đường từ thành Tây đô (ở xã An tôn huyện Vĩnh lộc tỉnh Thanh hóa bây giờ) đến Hóa châu (Thừa thiên), dọc đường đặt ra phố sá và nhà trạm gọi là đường thiên lý. Mùa hạ tháng sáu Hán Thương cất đại quân vào đánh Chiêm-thành, lấy Đỗ Mãn làm Đô tướng, Nguyễn Vi làm Chiêu dụ sứ, Nguyễn bằng Cử làm Đồng Chiêu dụ sứ. Quân ta đến bờ cõi Chiêm thành ; Đinh đại-Trung cưỡi ngựa đi tiên phong, gặp tướng giặc là Chế cha nan, hai người giao chiến cùng chết cả. Vua Chiêm là Ba dich lại (con La-Khải) sợ hãi, sai cậu là Bồ điền đem dâng 2 con voi, một con đen một con trắng cùng mọi đồ phương vật, lại dâng đất Chiêm-động để xin ta lui quân. Bồ điền đến, Hán Thương bắt hiếp phải chữa lại tờ biểu, nói dâng cả đất Chiêm động và đất Cồ lữ ; rồi chia đất Chiêm động ra làm châu Thăng châu Hoa (đất phía nam tỉnh Quảng-nam), chia đất Cồ lữ ra làm châu Tư châu Nghĩa (Quảng Nghĩa), đặt quan Thăng-hoa An-phủ-sứ để thống trị các châu ấy. Về mạn thượng du thì đặt ra làm trấn Tân-ninh. Chiêm-thành đem những nhân dân ở các đất ấy về nước, còn thì ta thu dùng làm quân. Hán-Thương bèn đổi quan An-phủ sứ lộ (1) Thuận hóa là Nguyễn cảnh Chân

(1) Lộ cũng như tỉnh bây giờ



vào làm Thăng-hoa An-phủ-sứ, rồi thiên dân mạn bắc vào ở mấy châu ấy, cho cả vợ con được đi theo ; lại cho dân nộp trâu chuộc tội để lấy trâu mà cấp cho những dân thiên cư ấy. Từ đó dân ta thiên vào ở mặt nam càng ngày càng nhiều.

Hiệu Khai đại năm đầu (1403), quân ta lại vào đánh Chiêm-thành, vua Hồ Hán Thương dự chia đất Chiêm ra làm các châu huyện, sai Phạm-nguyên-Khôi thống xuất hai mươi vạn quân thủy bộ tiến vào. Quân pháp rất nghiêm, người nào làm trận mà nhút nhát sẽ bị tội chém, vợ con điền sản sẽ phải thu làm của quan, Đại-quân vào đến Chiêm thành, vây thành Đồ-bàn (Bình-định.) nhưng vì quân đi đã chín tháng giới, lương hết lại phải kéo về.

Không được bao lâu thì nhà Hồ bại ; quân Minh vào chiếm nước ta, ta còn lo chống chọi với giặc Minh chưa xong, vua Chiêm-thành là Ba-Địch-lại nhân dịp đó chiếm lấy 4 châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa mà lại thường hay vào biên cương cướp phá. Sau khi nhà Lê phục quốc, niên hiệu Thái-hóa thứ 2 (1444), vua Chiêm là Bí Cai lại vào cướp phá đất Hóa-châu ; vua Nhân-tôn mới sai ông Lê-Phụ, ông Lê-Khả vào đánh thành Đồ-bàn, bắt Bí-Cai đem về. Người trong nước mới lập người cháu vua cũ Bồ Đề là Ma-a-quy-lai lên làm vua. Em Quy-Lai là Quy-Do lại giam anh mà tự lập. Sau Bàn-la-trà-duyệt giết Quy-Do mà cướp lấy rồi truyền ngôi cho con là Bàn-la-trà-toàn. Năm Hồng-Đức thứ 1 (1470) mùa thu tháng 8 vua Chiêm là Bàn-la-trà-toàn thân xuất thủy bộ tượng mã vào cướp Hóa-châu. Trấn-tướng Hóa-châu là Phạm-văn-Hiền thế không địch nổi mới dẫn dân vào cả trong thành rồi đưa thư cáo cấp về triều. Vua Thánh-Tôn liền xuống dụ trưng binh mộ lương. Tháng 11, định ra 52 điều quân luật. Ngày mồng 6, vua xuống một tờ chiếu nói việc thân chinh Chiêm-thành, sai thái-sư Lân-quận-công Đinh-Liệt, Thái-bảo Kỳ-quận-công Lê-Kiến lĩnh quân ba phủ đông nam bắc đi trước, ban bố 24 điều về việc đi đánh Chiêm-thành ra các dinh và các



vệ Cẩm-y, Kim-ngô, Thân vũ, Điện-tiền. Ngày mồng 7, vua vào làm lễ cáo ở nhà Thái-miếu. Ngày 16, vua thân xuất đại quân tiến đi, sai bọn tả đô đốc Lê-hy-Cát, Hữu đô đốc Lê-cảnh-Huy ở lại kinh thành lưu thủ. Ngày hôm ấy ngự giá khởi hành, có mưa phùn và có gió bắc, vua có làm mấy câu thơ rằng: « Trăm muôn tướng sĩ ruồi lên đường, lấm tẩm mưa nhuần, gió bắc phương.» tức là bài thơ kỷ thực đó. Sai Nguyễn như Đồ đến tế ở miếu vua Đinh-Tiên-hoàng, đề cầu quân đi được thắng trận. Vua lấy bức địa đồ Chiêm-thành, đòi đặt lại những tên sông núi. Ngày mồng 3 tháng 12, đại giá đến Thiết-sơn. Ngày 18, thủy quân vào đến Chiêm-thành. Năm Hồng-đức thứ 2 (1471), ngày mồng 2 tháng Giêng, vua nghĩ rằng đại tướng quân đem quân bước vào cõi giặc thì cần phải có quân sĩ tinh luyện, bèn truyền cho quân Thuận hóa đều phải ra bể để thao diễn về đường thủy chiến. Vua lại lo rằng núi sông nước Chiêm nhiều chỗ hóc hiểm chưa biết, bèn sai người thổ tù Thuận hóa là Nguyễn-Vũ vẽ một bức tường đồ dâng trình. Ngày mồng 6 viên Chỉ huy là Cương-Viên bắt đem đến nộp một tên coi giữ ở cửa quan Cầu đê Chiêm thanh là Bồng nga. Viên tù trưởng Sa bôi là Cẩm tích, tù trưởng Thuận bình là Đạo-Vũ hôm ấy cũng vào châu dâng đồ phương vật. Sứ thần Ai-lao là bọn Lang-lệ cũng đem đồ phương vật lại dâng. Vua thân soạn bài sách Bình Chiêm ban ra các dinh, trong bài sách nói có 10 lẽ có thể thắng và có 3 việc đáng nên sợ. Vua sợ tướng sĩ chưa hiểu, sai quan Chỉ huy Nguyễn-tuế-Mỹ dịch ra quốc ngữ cho mọi người đều biết. Lại sai quan Giám-sát ngự-sử Lê-bà-Di đem thóc kho Thuận hóa mà chuyển vận đến nơi hành tại. Ngày mồng 5 tháng 2 vua Chiêm là Trà Toàn sai em là Thi-Nại và đại thần 6 người đem 5 nghìn binh trọng lữ đến gần dinh vua đề mưu đánh úp. Ngày mồng 7 vua sai tả-du-kích tướng-quân Lê hy Cát, Hoàng nhân Thiêm, và tiên phong tướng quân Lê-Thế, Trịnh-văn-Sái đem hơn 5 trăm



chiếc tàu 3 vạn tinh binh, đang đem lên ra cửa bể Cựu-áp (nay là Tiểu áp thuộc huyện Hà-đông Quảng-nam), kịp vượt bể lên vào cửa Sa kỳ (cửa này nay ở phía đông - nam huyện Bình-sơn tỉnh Quảng-nghĩa) lập lũy đắp thành để chẹn đường về cửa giặc. Quân Chiêm vẫn không biết gì cả. Ngày mồng 7, vua thân xuất thủy quân hơn nghìn chiếc tàu, 70 (?) vạn tinh binh kéo ra hai cửa bể Tân áp Cựu áp (Tân áp nay là Đại áp cũng ở huyện Hà-đông, Quảng-nam) cờ bay rợp bể, trống đánh vang giời, quân reo rầm rĩ mà tiến vào cửa bể Thái cần (Quảng-ghĩa) mật sai tướng bộ quân là Nguyễn-Đức-Trung đem bộ binh lên đến mạn sơn cước. Quân Chiêm trông thấy quân vua âm âm kéo đến đều sợ hãi, chạy cả về thành Đồ bản, Về đến núi Mạc-nô. chợt thấy Hy cát đã chẹn mất đường về, hoảng hốt phải chạy vào đường núi, khí giới lương thảo bỏ lại đầy đồng, người ngựa ngã chết khắp núi. Bọn Lê-Niệm Ngô-Hồng phải binh đuổi đánh, chém chết được một viên đại tướng. Trà Toàn nghe tin em thua chạy, sợ hãi, vội sai người thân tin dâng biểu xin hàng. Vua không nghe. Ngày 27, vua thân xuất đại quân phá thành Thi nại, chém được hơn trăm thủ cấp. Ngày 28 vua tiến binh vây thành Đồ bản. Ngày 29, đến sát chân thành vây chặt mấy vòng. Ngày mồng 1 tháng 3, vua truyền lệnh cho các đạo quân đồng thời đánh thành và làm thang bắc trèo lên mặt thành. Một lúc, vua trông thấy quân tiền kỵ đã trèo được lên tường thành, bèn phát 3 tiếng súng hiệu, truyền quân chém phá cửa đông tiến vào, lại sai Đồng thái giám Nguyễn-Đam truyền ho các quân sau khi vào thành phạm các kho đụn tài vật không được cướp phá. Chiêm chúa Trà toan, bắt được không được giết chết. Quân ta hạ được thành, bắt được hơn 3 vạn người, chém được hơn bốn vạn cấp. Vua sai quan chỉ hu Ngô-Nhạn dẫn hàng tướng của Chiêm là Bồ-sản-ba-ma đến, sai đàn bầy những của báu đồ vật gì của Chiêm mà nước ta không có để vua coi. Lệnh-úy Đỗ Hoàn trở khắp từng thứ. Có một cái hộp



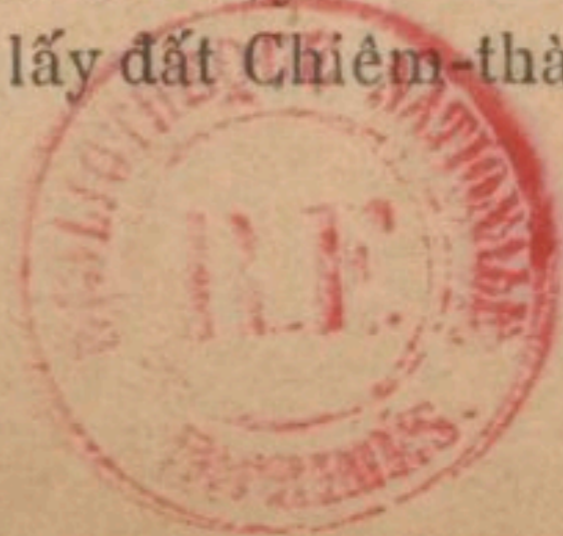
bạc, hình như cái gương. Vua hỏi đó là vật gì ? Hoàn tâu vật ấy từ xưa đến nay phạm vua nước Chiêm tất đều phải có, rồi đời nọ truyền cho đời kia. Quân Thuận-hóa bắt sống được Trà Toàn dẫn đến trước mặt vua. Trà Toàn phục lạy xuống đất. Vua hỏi rằng : Nhà ngươi có phải là vua Chiêm không ? Trà Toàn thưa phải. Vua hỏi : Nhà ngươi có mấy con ? Trà Toàn thưa có hơn 10 con. Đỗ Hoàn nói : Hẳn đã biết phép thì xin bệ hạ tha chết cho hẳn. Vua bảo Trà Toàn rằng : Trong vòng gương sủng, ta chỉ e nhà ngươi ngộ hại ; may ngươi không hề gì như thế, ta thật yên lòng. Bèn sai đem Trà Toàn cho ra ở tạm một cái nhà nhỏ. Quân sĩ điệu đi mau quá. Vua bảo : Thong thả chứ mà ! Hẳn là vua một nước, không nên làm quẫn bách hẳn quá như thế.

Trà Toàn đã bị bắt, có người tướng của Trà Toàn là Bô tri tri chạy đến Phan lung (thuộc Bình thuận) giữ được chừng một phần năm đất Chiêm cũ mà xưng là Chiêm thành vương, sai sứ xưng thần phụng cống. Vua bèn đi kinh lý đến núi Thạch bi (thuộc phủ Tuy hòa, tỉnh Phú yên) dựng bia định địa giới ở núi ấy (bia ấy nay hãy còn, nhưng mòn quá không trông rõ chữ). Còn từ núi Cầu mộng (thuộc huyện Đồng xuân, tỉnh Phú yên) trở về phía nam thì ưng phong cho Bô tri tri làm vua Chiêm thành, giữ đất để cung chức cống ; lại phong thêm hai vua Hoa anh Nam bản và chia ra làm 3 nước để ràng buộc lẫn nhau.

Trận binh-Chiêm này, quân thanh của ta lừng lẫy xa gần, khi đại quân khải hoàn, những thổ tù ở các động mán đều đua nhau đem đồ trân bảo tiến cống, Trà Toàn bị giải về đến sông Thiên phái thì vì lo sợ mà chết, vua sai chém đầu bêu ở đầu thuyền.

Thế là bước đường nam tiến của dân tộc ta sau trận này thì đã tiến đến biên giới phía bắc tỉnh Phú yên rồi vậy.

Tháng 6 năm ấy (1471), vua Lê Thánh tôn lấy đất Chiêm-thành





mà đặt làm Quảng-nam thừa-tuyên và vệ Thăng hoa, và đặt ra Quảng nam tam ty.

Năm Hồng đức thứ 3 (1472) em Trà Toàn là Trà Toại trốn vào trong núi, rồi sai sứ cáo nạn với nhà Minh và xin phong. Vua Thánh tôn sai Lê Niệm đem binh đuổi theo bắt được Trà Toại, đem về yên trí ở ngoài cửa Bảo khánh kinh thành Thăng long, hơn 30 năm rồi chết ở đó.

Năm thứ 21 (1490) định bản đồ trong nước thì thừa-tuyên Quảng nam lĩnh 3 phủ 9 huyện là : 1. Phủ Thăng hoa thống 3 huyện Lê giang, Hy giang, Hà đông. 2. Phủ Tư nghĩa, thống 3 huyện Nghĩa giang, Bình dương, Mộ hoa (nay Quảng nghĩa) 3. Phủ Hoài nhân, thống 3 huyện Bồng sơn Phù ly, Tuy viễn, (nay Bình định) Thời vua Lê Hiến tôn, con Trà Toại là Trà Phúc lấy trộm hải cốt cha trốn về nước rồi sai người sang nhà Minh cầu cứu, đóng thuyền chứa lương để đồ phản kháng. Đời vua Uy mục bắt được mấy người Chiêm ở ngoài bể, tra biết mưu ấy, bèn sai Lý tử Vân vào kinh lý Quảng nam để phòng bị, việc ấy mới yên.

Đến đời họ Nguyễn làm chúa phía nam, Chiêm-thành vẫn thần phục, sau lại thường hay quấy nhiễu ngoài ven. Năm Tân-hợi (1611), Gia dụ vương sai Chủ sự là Văn Phong lĩnh binh đi đánh, chiếm lấy đất đặt làm phủ Phú-an, lĩnh 2 huyện Đồng xuân Tuy hòa (Nay tức là tỉnh Phú-an), rồi sai Văn Phong lưu thủ đất ấy. Đến đời Sĩ vương, Văn Phong làm phản. Sĩ vương sai phó tướng là Nguyễn-phúc-Vĩnh giệp tan được rồi lập đất ấy làm doanh Trấn biên.

Thời Hiền vương, vua Chiêm-thành là Bà tấm xâm vào Phú-an, vương sai cai cơ là Hùng-Lộc làm thống binh, sá-sai là Minh Võ làm tham mưu, lĩnh 3000 quân đi đánh. Hùng lộc tiến binh qua núi Thạch bi, kéo thẳng đến thành, thừa lúc ban đêm phóng hỏa đánh phá. Bà tấm phải chạy đi trốn. Quân ta chiếm đất đến sông Phan giang (1653), rồi lấy ở phía đông sông ấy



đặt ra hai phủ Thái Khang (nay Ninh hòa), Diên Ninh (nay Diên Khánh), phủ Thái Khang thống 2 huyện Quảng Phúc, Tân Định, phủ Diên Ninh thống 3 huyện Phúc Điền, Quảng Xương, Hoa Châu, lập ra doanh Thái Khang ở Nha Trang (nay là tỉnh thành Khánh Hòa) để thống trị. Còn phía tây sông ấy thì giả lại cho Chiêm-thành, bắt phải hàng năm vào cống hiến.

Thời Minh vương năm 1691, vua Chiêm là Bà tranh lại vào quấy nhiễu phủ Diên Ninh. Vương sai Nguyễn-hữu-Kính làm Thống binh đi đánh, bắt được Bà tranh và bọn bề tôi là Kế bà tử và bọn thân thuộc là Nương-my Bà-ân đem về giam ở núi Ngọc Chấn, đổi nước Chiêm thành đặt là trấn Thuận thành. Vương lại sai Nguyễn-tri-Thắng giữ Phố-hải, Nguyễn-tán-Lễ giữ Phan-ly, Chu-kiêm-Thắng giữ Phan-lang để phòng những dư đảng Thuận thành. Sau lại đổi làm phủ Bình thuận cho Kế-bà-tử làm Khám lý và cho 3 con của Bà-ân làm Đề-đốc, Đề-lĩnh, Cai phủ, bắt phải vận mặc theo kiểu ta, rồi cho về để cai trị lấy dân.

Tháng chạp năm ấy, người Tàu tên là A-ban cùng với người Chiêm thành là Ô-nha-trát nổi loạn, Minh-vương sai Nguyễn-hữu-Kính cất quân vào dẹp tan được đám ấy. Kế bà-tử kêu rằng : Từ khi thay đổi chính-trị đến nay, mùa màng mất luôn, nhân dân thì sinh ra tật dịch. Vương thương tình, bèn lại phong cho Kế bà tử làm Thuận-thành-trấn phiên-vương để phủ trị lấy binh dân mà hàng năm phải vào nộp cống. Những người ngựa và kiếm ấn trước bắt được cũng giả cho cả. Lại cấp 30 tên lính kinh để bảo hộ giúp cho. Năm Chính hòa thứ 18 (1697) mới lại lấy đất của Thuận-thành vương mà đặt làm phủ Bình-thuận, lấy đất Phan-ly Phan-lang đặt làm 2 huyện An-phúc Hòa-đa. Từ đó Chiêm thành mất hẳn về bản đồ nước ta vậy. Đó là bước nam tiến của dân ta đã đến hết đất Trung-kỳ giáp đất Nam-kỳ.

Nghĩ như Chiêm-thành cũng là một nước khai hóa rất sớm



đã từng sản xuất ra những bậc người tài hùng lược lớn làm cho nước ta đòi phen ăn không ngon ngủ không yên ; thế mà hay đầu lần lần về sau đến nỗi phải táng quốc diệt chủng ! Xét ra có đó chỉ vì dân họ không biết tự cường tự phấn, vì họ chịu ở dưới cái chính thể quân chủ chuyên chế, việc nước hay dở đều mặc kệ ở lũ vua quan. Thế mà vua quan về sau chỉ thấy sản xuất những mặt đơ hèn, lúc bình thường không chịu tu tỉnh cho nội lực được đầy đủ rồi rào, đối với trong thì áp chế bậy, đối với ngoài thì học hách sẵn, quân ngoài vừa kéo đến nơi đã lũy vỡ thành tan, cắt đất bồi khoản, ngày nay mất một khu, sang năm mất một hạt, trách nào mà dần dần chẳng nước mất giống cũng không còn. Ta chép đến đây luống những vì người Chiêm mà phàn nàn ái ngại, Trong cuộc sinh tồn cạnh tranh, khỏe sống yếu chết, coi đó mà cũng đáng ghê thay ! cũng đáng sợ thay !

Xét tục Chiêm-thành, người nào cũng lấy chiêm quần vào bụng, bỏ giọt dài xuống tới chân. Vạt áo tay áo đều hẹp. Đầu búi tóc mé sau để xoắn ra. Vua mặc áo Cát bối, đội mũ bông vàng, rủ tua thất bảo. Đùi vẽ đều để hở, chân đi giày nhưng không có tất miệt. Đàn bà cũng búi tóc mái sau, không cài trâm. Vua mỗi ngày về buổi trưa ngồi ghế thiên ý, quan-thuộc vào yết kiến chỉ vái một vái, tâu việc xong lại vái một vái rồi ra. Mỗi khi vua đi chơi tất đến vài ngày mới về. Đi gần thì ngồi cái ghế vải, đi xa thì cưỡi voi hoặc ngồi vào một cái chóng cho 4 người rước. Sai một người bụng mâm con đi trước, đằng sau cho độ vài chục người đi theo, tay cầm cung tên gươm đao. Dân trông thấy vua đều phải vái. Ngày tháng thì cứ ngày nào mặt giăng mới mọc là đầu tháng hết là cuối tháng, không có tháng nhuận. Ngày đêm chia mỗi phần là 50 khắc. Trống canh chia làm 8 canh. Cứ nửa đêm mới ngủ mà nửa ngày mới dậy. Hễ khi có giăng thì uống rượu hát múa làm vui. Không có giấy bút, dùng da dê nện mỏng hun đen rồi lấy đoạn tre nhỏ chấm



vào vôi mà viết, hình chữ trông như con giun. Cứ đến mồng 1 tháng giêng thì dắt voi đi khắp chỗ ở rồi đuổi ra ngoài cõi gọi là trục tà. Tháng tư thì bày cuộc trâu cạp chọi nhau để làm vui. Ngày 15 tháng 11 là tiết đông chí, mọi người ai cũng phải châu mừng nhà vua. Mỗi năm đến 15 tháng chạp, ở ngoài thành buộc cây làm tháp, rồi vua và quan dân đem sống áo và hương đặt trên cây tháp mà đốt để tế giới đất. Thuyền buôn cứ mười phần thì lấy thuế hai phần, thuế hương cũng mười phần lấy hai. Tính rất ưa sạch sẽ, mỗi ngày tắm 3, 4 lần, dùng hương hoặc xạ để xoa vào mình, lại dùng trầm hương để hun quần áo. Vua cứ ở ngôi được 30 năm thì lánh vào ở trong thâm sơn, lấy anh em con cháu thay ngôi cho mình, mình thì trì trai thụ giới, khấn với giới rằng: « Tôi làm vua vô đạo, xin cho hồ lang ăn thịt tôi đi, hoặc bắt ốm đau mà chết đi. » Ở một năm không việc gì thì lại về làm vua như cũ, trong nước gọi là « Tinh-lê-mã-cáp-lạt » nghĩa là bực chi tôn chi thánh. Có một cái đầm cá sấu, hễ khi nào có cái án nghi ngờ không quyết đoán xong thì cho hai bên nguyên bị đều cưỡi trâu đi bên đầm ấy để hễ bên nào bị cá sấu nhảy lên đớp lấy ăn thịt thì cho tức là bên ấy trái. Hình pháp cũng có gông cùm, lỗi nhỏ thì đánh roi, tội đáng chết thì trói vào cây mà giết. Nếu tội ăn cướp hay giết người thì cho voi quật chết. Tội gian dâm phải phạt con trâu. Dân vào núi hoặc ra bể mà bị hổ hoặc cá sấu cắn thì vua sai quốc sư tụng câu thần chú và thư phù thì cạp cá sấu nào ăn thịt phải đến chịu tội ngay. Tính cứng cõi hay đánh nhau. Nay những người Hời ở Bình-thuận, những người Chăm ở Cao-miên đều là di chủng người Chiêm thành cả.

Trên đây đã nói đến khi nước ta kiêm tính được toàn cảnh Chiêm-thành ; nay lại nói việc chinh phục Chân-lạp. Xét nước Chân-lạp hoặc gọi là Cao-miên, hoặc gọi là Cao-man, nguyên là thuộc quốc của nước Phù-nam khi xưa (Nước Bà-ly ngày xưa cũng ở đất ấy. Sách Gia-định thông chí của cụ Trịnh-hoài-Đức nói



nước Bà-ly nay tức là đất Bà-ri-a). Về sau nước Phù-nam suy nhược, vua Chân-lạp là Sái-ly (họ) Chất-đa-tư-na (tên) bèn kiêm tính được cả nước Phù-nam. Trong năm Đại nghiệp nhà Tùy, Chân-lạp đã sai sứ thông với Trung-quốc. Trong đời Thần long nhà Đường (705—706), nước mới chia ra làm hai : ở phía bắc nhiều núi gọi là Lục-chân lạp, đất rộng 700 dặm, vua nước ấy gọi là Thả khuất ; ở phía nam gần bề nhiều đầm hồ sông lạch gọi là Thủy chân lạp, đất rộng 800 dặm, vua nước ấy ở trong thành Ba-la-đề-bạt. Thời nhà Đường hai nước đều sang cống, đều được nước Tàu phong vương. Đến thời nhà Tống, hai nước lại hợp làm một gọi là Chân-lạp. Từ khi nước ta lập quốc, đến mãi năm Thuận-thiên thứ 3 (1012) đời vua Lý-Thái tổ, nước Chân-lạp mới vào cống, từ đó cứ ba năm lại một lần sai sứ đến. Về sau Chân-lạp cùng với Chiêm-thành thường đến xâm đất Nghệ-an, nhưng nhiều lần bị quân ta đánh thua, từ đó không sang cống Tàu nữa. Đến đời nhà Minh, vua Chân lạp là Hốt-nhi-na-đa mới lại dâng đồ cống sang Tàu. Đến thời Vĩnh lạc (Minh Thành tổ) lại thôi, vì nước Chiêm-thành xâm nhiều nghẽn đường cho nên không đi được.

Khi nước ta họ Nguyễn làm chúa ở phía nam, về đời Hiền-vương năm Mậu tuất, (1658) vua Chân-lạp là Nặc ong Chân (1) xâm phạm vào cõi. Quan Phó tướng doanh Trấn biên (Phú-an) là Nguyễn-phúc-Yến phụng mệnh đi đánh, phá được quân Chân lạp ở thành Hưng phúc (nay là huyện Phúc-chính tỉnh Biên-hòa) bắt Nặc ong Chân đem về nộp. Nguyễn-vương tha cho Nặc ong Chân, sai quan Binh bộ đưa về nước cho làm phiên thần, cứ hằng năm phải vào triều cống. Năm Giáp dần (1674), Nặc-ong Chân mất, Nặc-ong-Non lên kế vị. Có người bề tôi là Ô đại làm phản, viện quân Tiêm về đánh. Non phải

---

(1) Sách Gia-định thông chí nói rằng : Nước Chân-lạp chỉ có tên không có họ. Phàm con cháu nhà vua đều gọi là Nặc ong Chân tức là tên. Mà tên thì cứ tên nào hay là đặt, dầu ông cháu trùng tên cũng được.



chạy sang ta cầu cứu, vương sai quan thống binh là Nguyễn-dương-Lâm đi cứu. Ô đài phải chạy. Nặc thu xin hàng. Vương nghĩ Nặc-Thu là địch phải, bèn phong làm chính quốc-vương, ở thành Long áo, mà phong cho Non làm nhị quốc vương, ở thành Sài gòn, vẫn phải cống hiến như cũ.

Năm Kỷ mùi niên hiệu Vĩnh trị thứ 4 đời Lê Hy-tôn (1679) có quan Tổng binh thành Long môn nhà Minh tên là Dương-Ngạn-Địch và quan Tổng-binh ở Lôi liêm là Trần-thượng-Xuyên cử binh phản nhà Thanh để mưu khôi phục lấy cơ nghiệp nhà Minh. Song thế không địch nổi, phải bỏ thành mà chạy, đem hơn 200 chiếc thuyền chạy ra bể lánh nạn, vượt sang hải phận nước Nam, sai người cầu cứu với Trịnh vương. Thuyền đậu hơn một tháng không thấy cứu binh, xảy gặp cơn bão to chiến thuyền tan nát mỗi nơi vài cái mà chìm đắm mất nhiều. Đến khi dứt cơn bão thu thuyền lại tra diểm thì chỉ còn hơn 50 chiếc và hơn 3000 quân mà thôi. Dương ngạn Địch thương tâm khóc lóc, cất mắt trông ra bể thì chỉ thấy mặt nước mông mênh, sóng bạc cuồn cuộn, không biết là về địa diện nào. Bấy giờ lương thực lại cạn, quân sĩ phải cắt giầy ăn cho đỡ đói, Ngạn Địch trông thấy tình cảnh sầu khổ làm vậy, bèn buông thuyền cho theo chiều gió mà đi, cũng liều sống chết với ngọn sóng. không còn tưởng nghĩ gì nữa. Xảy một hôm thuyền giạt vào bãi cát gần chân núi. Ngạn-Địch hỏi bọn thủ hạ xem đây là địa phận nào. Trong thuyền có một người thủ hạ tên là Quách-tam-Kỳ nguyên năm trước đã từng đến đó buôn bán, mới nói rằng:

— Đây là hải phận An-nam. Ngạn-Địch hỏi :

— Tướng sĩ, thành quách, mạnh yếu thế nào ? Ta thử đem quân vào, mượn đất ở rồi cướp lấy thành trì, sau sẽ liệu kế khác, phỏng có được không ? Quách-tam-Kỳ nói :

— An-nam nước giàu dân nhiều, tướng hùng binh mạnh, thành quách thì hiểm cố, nghề thủy chiến bộ chiến đều có



luyện tập, các nước láng giềng không dám quấy nhiễu. Năm trước có đảng giặc Ô lan, cậy tài về nghề thủy chiến, bọn ấy đem hơn 10 chiếc tàu, cướp bóc vùng men bể An-nam, bị quân An-nam đánh phá giết chết, máu đổ loang đầy mặt bể. Từ đó Ô lan không dám bén đến gần cõi, hướng chỉ là quân của ta !

Dương-ngạn-Địch bèn truyền lệnh cho các chiến thuyền, dời ra xa bãi một ít mà đóng, ngày thì khua chiêng đêm thì treo đèn làm hiệu, định hễ có người ra tra hỏi thì nói xin đem binh đầu hàng để lấy chỗ nương thân cho được yên ổn, Tướng-sĩ vâng lệnh hạ neo, đóng thuyền từ cửa bể Noãn hải cho đến cửa bể Đà nẵng. Quân tuần bể của chúa Nguyễn trông thấy, phi báo về triều. Hiền vương kịp sai thủy quân đem chiến thuyền ra trấn các cửa bể để phòng ngừa địch. Thủy quân được lệnh, đầu đấy phòng thủ cẩn mật. Quan thú tướng ở cửa bể Tư dong (nay là Tư hiền) là Tri-Thắng bơi một chiếc thuyền nhỏ ra gần thuyền Long môn, quát to hỏi rằng :

— Chiến thuyền nước nào, dám đậu ở cửa bể nước ta, ý muốn làm gì, phải nói cho mau.

Dương Ngạn-Địch trông thấy thuyền của ta đến thì sai dựng ngay một lá cờ trắng để tỏ ý xin hàng. Đến lúc Tri-Trắng hỏi thì Quách-tam-Kỳ nói rằng :

— Chúng tôi đây là quân của Đãng khẩu tướng quân Dương-ngạn-Địch ở thành Long-môn, nhân vị kháng cự với nhà Thanh, phải bỏ thành vượt bể trốn nạn, chẳng may lại bị gió bão xiêu giạt đến đây, vậy xin đầu hàng quý quốc, nương nhờ tính mệnh. Xin đại vương thương cho người bị nạn, tâu với quốc vương để tỏ giải tình thực của chúng tôi. Tri-Thắng nói :

— Các ngươi nếu tình thực có chân tâm đầu hàng thì mau mau đến vương đình mà bày tỏ tình thực để tùy vương lệnh xử phân.

Dương-ngạn-Địch mừng lắm bèn viết hàng biểu sai-phó tướng



là Hoàng Tiến và Quách-tam-Kỳ đem biểu văn và lễ vật theo Tri-Thăng vào triều. Bọn Hoàng-Tiến dâng biểu tỏ hết sự tình. Hiền vương xem biểu, thương cho kẻ bị nạn, bèn sai người đem tiền thóc gạo rượu ra chẩn cấp cho thuyền Long môn, rồi cho bọn ấy vào ở đất Giản phố (tức Sài-gòn ngày nay) nước Chân-lạp, để cho mở mang những đất bỏ hoang và trao cho quan tước. Bọn Ngạn-Địch vào tận cửa khuyết lay tạ rồi chia nhau ra ở các đất Đồng nai, Mỹ-tho, Bàn lân (Biên hòa) phá rừng phá ruộng, lập nên cửa nhà phố xá, từ đó người Tàu người Tây dương người Nhật bản mới chở thuyền đến đó buôn bán một ngày một thịnh vượng vui vẻ.

Năm Mậu thìn niên hiệu Chính hòa thứ 9 đời Lê Hy-tôn (1688), bấy giờ Nam triều Nghĩa vương làm chúa. Phó tướng Long-môn là Hoàng-Tiến ở Cao-miên giết chủ tướng là Dương-ngạn-Địch mà cướp lấy binh quyền, tự xưng là Phấn-dũng hồ oai đại-tướng-quân, thống lĩnh dư đảng Long-môn, dời đồn đến Bến-tre lập dinh cắm trại, chế tạo xúc xích sắt và thuyền bè để chặn giữ cửa bể. Thả binh cho cướp bóc của dân Cao-miên. Lại bắt vua Cao-miên là Nặc non xẻ gỗ đóng tàu, hoặc lại bắt lấy người Cao-miên, khi năm sáu mươi người, khi bảy tám mươi người, mà bắt vua Cao-miên phải chuộc mỗi người là 30 lạng bạc ; nếu không chuộc thì chém giết đi. Vua Cao-miên đem nộp cống Nam triều, cũng đón đường mà cướp lấy của. Bởi vậy dân Cao-miên ai nấy đều ta oán mà vua Cao-miên cũng tức giận vô cùng. Nặc thu mật triệu tướng tá đến nghị rằng :

— Từ khi Hiền vương bên Nam triều trị vì, dải nước ta rất nhân hậu, ta cảm ân đức ấy nên mới phục tòng. Năm trước Hiền-vương cho bọn tướng tá Long-môn sang ở ngụ nước ta, khi đó bọn ấy còn biết giữ luật phép không dám quấy nhiễu dân ta. Nay Hiền-vương đã mất, tân vương nối ngôi, Hoàng-Tiến giết chủ tướng mà cướp lấy quyền, sinh lòng phản nghịch, tàn hại dân ta. Vậy mà tân vương không thấy trừng trị gì nó, hoặc là



dong tủng cho nó làm càn, hoặc là chưa biết sự ấy, hai lẽ đó ta cũng chưa biết thế nào. Song nước ta về hồi trước, các vị tiên vương ta khai cơ lập nghiệp đời đời bảo thủ địa giới chứ không phải thần phục nước nào. Nay đến đời con cháu là chúng ta suy yếu đốn hèn, để đến nỗi bị người ngoài họ kiềm chế được, ta nghĩ thực lấy làm sỉ nhục không biết chừng nào. Nay lại bị Hoàng-Tiến nó xử tàn ác thế này thì chịu làm sao cho được? Vậy ta muốn nhờ sức các tướng trước hết trừ Hoàng-tiến, rồi sau ta phản kháng Nam triều mà giữ lấy cơ nghiệp của tổ tiên, cho rửa được cái nhục làm tôi nước khác. Chẳng hay các tướng nghĩ thế nào?

Tướng Cao miên là Ốc nha, Hà chức, Cống sa đều nói rằng :  
— Đại vương nói phải lắm ! Nam triều là một nước, ta cũng là một nước, hà tất ta phải cúi đầu mà chịu nhục ! Chúng tôi xin hết sức hèn mọn để giúp đại vương, trước hết trừ Hoàng Tiến, thứ nhì giết Nặc Non, rồi sau sẽ phản kháng Nam triều kéo cứ mắc vòng kiềm chế mãi.

Nặc Thu mừng lắm, bèn sai sửa sang thành Nam vang, đắp 3 lũy La bích Cầu nam Trà vinh, chế tạo chiến thuyền, đúc súng đại bác, tu luyện khí giới để phòng cự địch. Một mặt tuyệt sự cống hiến, bắt những người buôn bán nước Nam ở lại Cao miên, không cho về nước, vì e tiết lộ tin tức,

Nhị vương Cao-miên là Nặc-Non ở Sài-gòn biết được mưu ấy, sợ hãi không biết chừng nào, vả lại vừa giận Hoàng-Tiến tàn ngược, bèn viết mật biểu kể hết sự tình Nặc-Thu (Hoàng-Tiến), sai người tâm phúc đem sang trình bẩm Nam-Triều. Nghĩa-vương xem biểu cả giận mà rằng :

—Nặc-Thu là một đứa man nhung tiểu bối, dám manh di tâm kháng cự với ta à ! Còn như Hoàng-Tiến thì là một đứa bại binh cùng khốn, siêu dạt ngoài bề, không có chỗ nào dong thân, khi xưa tiên vương ta thương tình lựa lạc mà cho ngụ đất này



để được có nơi yên ở. Chúng nó không biết báo đáp ơn ấy, lại dám sinh lòng phản nghịch, tàn hại lương dân, tội ấy không thể nào dong được.

Nghĩa-vương bèn triệu quần thần vào thương nghị để sai tướng cầm quân đi đánh giặc. Chưởng doanh là Minh-lễ-hầu đứng lên bẩm rằng :

— Cao-miên nổi loạn chẳng qua như loài cáo chuột quấy rối mà thôi, hà tất phải động binh triều đình nhọc đến đại tướng ! Tôi nghe viên cai cơ ở Nha trang là Nguyễn-thắng-Long có đủ tri mưu dũng lược, năm trước y đã du lịch đất Cao-miên quen thuộc thủy thổ, nên sai y cầm quân đi đánh giặc chắc là được việc. Lại nên sai Hoàng-Tiến làm tiên phong lĩnh binh bản bộ đi trước để xem tình ý hãn ra sao. Nếu hãn thực lòng phụng mệnh đem quân đi giúp giặc thì cũng giúp được một tay cho ta, ta nên tha tội trước cho hãn ; bằng hãn còn do dự thì ta sẽ trừ đi. Mé trước có Nặc-Thu ngăn cản, mé sau quân ta kéo đến, Hoàng-Tiến dù có mọc cánh cũng không bay đi đường gòai nào được. Ta giết xong Hoàng-Tiến, kéo quân sang thẳng Cao-miên, chẳng khác gì cơn gió to quét đám lá rụng, chỉ chớp mắt là thành công, đó là cái kế lưỡng toàn đấy.

Nghĩa vương mừng lắm truyền lệnh sai Nguyễn-thắng-Long làm thống binh, Văn vị làm Tham mưu, Hoàng-tiến làm tiên-phong lĩnh binh đi đánh Cao-miên.

Xây có tên đội trưởng là Thiêm-lộc nguyên là cháu ngoại quan Phó tướng doanh Trấn-biên là Mai-vạn-Long, tính va tham lam, nghe đất Cao-miên lắm của sinh lòng đồ lợi, bèn vào triều bẩm rằng :

— CẬU TÔI LÀ MAI-VẠN-LONG SAI TIỂU THẦN VÀO BÀI BẨM RẰNG : CẬU TÔI MÔNG ƠN VƯƠNG THƯỢNG, TRẤN THỦ BIÊN CƯƠNG, CHỨC LÀM ĐẠI-TƯỚNG, HƯỞNG LỘC NHƠN CỦA TRIỀU ĐÌNH NÊN PHẢI BÁO ƠN TRIỀU ĐÌNH MỜI PHẢI. NAY NƯỚC CAO-MIÊN PHẢN BỘI, VƯƠNG



thượng sai Thăng-long làm thống binh, thế là cho tỳ tướng giữ trách nhiệm của đại tướng đó. Cậu tôi xấu hổ, còn mặt mũi nào trông thấy người nước Nam nữa. Vậy xin vương-thượng cho cậu tôi được lĩnh chức ấy để giúp nơi biên cảnh, cho tỏ đôi chút công danh với đời.

Nghĩa vương phán rằng :

— Ta không phải là không biết cậu người, song việc đi đánh Cao-miên là đám giặc nhỏ, can gì phải đem ngọc ra chọi với đá. Huống chi đường đất xa xôi, núi rừng hiểm trở, cho nên ta không nỡ sai y đó thôi. Thiêm-Lộc bảm rằng :

— Vương thượng thương đến lão thần, ơn tầy giời bề, dù tan xương nát thịt cũng chưa báo đền được ơn ấy. Song xem như Mã-Viên Triệu-Vân ngày xưa, ngoài 70 tuổi còn cưỡi ngựa cầm cung đi đánh giặc được, huống chi cậu tiểu thần chưa đến 60 tuổi mà sức vẫn mạnh mẽ, có lẽ nào lại dăm từ lao ? Vậy xin vương thượng cứ cho cậu tiểu thần lĩnh binh đi đánh giặc, cho được thỏa lòng ao ước.

Nghĩa vương cười mà rằng :

— Nhà người nói cũng có lẽ phải. Bèn lại đổi sai Mai-vạn-Long làm Thống binh, cai cơ là Thăng-sơn, và cai đội là Tân lễ làm tả hữu vệ trợ. Hoàng Tiến thì vẫn làm Tiên phong như cũ, còn Thăng long, Văn vị cũng đều cho đi tòng chinh cả.

Mai-vạn-Long phụng mệnh, hội hợp các tướng, chỉnh điểm binh mã khi giới, kén ngày 17 tháng chạp cất quân lên đường.

Hạ tuần tháng giêng năm Chính hòa thứ 10 (1639), Mai-vạn-Long đem binh đến địa giới Cao miên, vào cửa bể Mỹ tho rồi tiến thẳng đến xứ Lạch ngâm (1) làm trại đóng quân ở đó. Mai vạn Long sai người đem vương chỉ đến Bến tre, sai Hoàng Tiến làm Tiên phong, đem binh bản bộ đi đánh Nặc Thu ; một mặt

---

(1) Sau thuộc huyện Đăng xuyên tỉnh Định hương.



sai người báo tin cho Nặc Non biết. Nặc Non mừng lắm, đến tại dinh Lạch ngâm chào mừng Vạn-Long, rồi thuật hết tình do của Hoàng Tiến và Nặc-Thu và xin mau mau đem quân đến trừ hại cho. Mai-vạn-Long nói :

— Tôi đã có định kế rồi, nhà vua bất tất phải lo gì cả.

Nặc-Non cáo từ trở về bản dinh dự bị tướng sĩ để chờ tiếp ứng.

Nói về Hoàng-Tiến từ khi giết chết chủ tướng, cướp lấy binh quyền làm nhiều sự tàn bạo thì vẫn chỉ lo triều đình đem binh đến hỏi tội. Nay đột nhiên thấy sai mình làm tiên phong, trong bụng nghi ngờ, bèn thủ hiểm mà không dám đến. Mai-vạn-Long thấy Hoàng Tiến không phụng chỉ rõ ra có tình bội nghịch, muốn tìm cách để trừ đi, bèn hội các tướng lại bàn kế. Bộ-tướng là Văn-Thông hiến kế rằng :

— Hoàng-Tiến có một người đồng hương (người Long-môn) tên là Trương-lão-gia, xưa nay hẳn vẫn nghe tiếng Trương mà vẫn chưa được giáp mặt. Thống binh nên dùng kế mai phục, rồi sai một người vận mặc giả dạng người Tàu, tự xưng tên là Trương-lão-gia đến dụ Hoàng-Tiến thì hẳn chắc nghe lời mà phó hội, ta sẽ thừa cơ giết chết hẳn đi, ắt là xong việc.

Vạn-Long mừng mà hỏi rằng :

— Kế ấy hay lắm. Song trong bộ tướng có ai biết tiếng Tàu mà nhận được việc ấy không ?

Văn-Thông là một người có tài biện bác, lại hiểu tiếng Tàu, bèn tình nguyện nhận việc đi dụ Hoàng-Tiến, Vạn-Long mừng rỡ sai Văn-Thông y theo kế ấy mà làm.

Văn-Thông vận mặc giả làm người Tàu, một mình đi đến cửa dinh Hoàng-Tiến, tự xưng là người ở Long-môn, tên là Trương lão gia. Hoàng-Tiến thấy người ở quê hương đến chơi, mừng rỡ vô cùng, sai người ra đón vào trong dinh tiếp đãi tử tế.



Văn-Thông chào mừng Hoàng-Tiến một cách đằm thắm, trước còn nói mấy câu hàn huyên, rồi dần dần nói đến việc quân tình. Hoàng-Tiến nói :

— Tôi vẫn được nghe tiếng tiên-sinh mà chưa được tiếp kiến lần nào. Nay tiên sinh hạ cố đến đây, chẳng hay ý muốn dạy bảo cho điều gì chẳng ? Trương lão gia nói :

— Tôi nghe tướng quân có chí lớn, lại gặp phải lúc nguy hiểm này, vậy nên tôi muốn đến giúp tướng-quân.

Hoàng-Tiến mừng lắm, sai bày tiệc để tiếp đãi. Trong khi uống rượu, hỏi rằng :

— Tiên-sinh có kế gì hay, giúp cho tôi được nên việc thì xin dạy bảo cho biết.

— Tướng quân liệu sức mình đối với Vạn-Long thế nào ?

— Tôi xem chừng sức tôi không địch nổi với quân Nam-triều được.

— Có như thế thực. Nếu Nặc-Thu ngăn mặt trước, Vạn-Long đánh mặt sau thì tướng quân làm thế nào ?

— Ấy tôi đương chưa biết nghĩ làm sao đấy.

— Tướng quân chẳng qua có được một vài nghìn quân, nương đậu đất người, đánh ra thì sức địch không nổi, muốn thủ hiểm thì không có thể bền lâu, ấy là một cái nguy cơ ở trước mắt đó. Tôi thiết tưởng tướng quân muốn được yên ổn thì chi bằng lại tùng phục với Nam-triều. Nay Nam-triều sai tướng quân làm tiên phong đi đánh Cao-miên. tướng quân nên nhân dịp này, đến hội kiến quan Thống-tướng, trước là xin lỗi sau xin phụng mệnh đi đánh giặc để lập công chuộc tội. Nếu bình định xong Cao-miên, Nam chúa chắc cũng không quên công của tướng quân, hẳn lại được trấn thủ một nơi, hưởng cuộc phú quý, có phải là lưỡng toàn cả không ?



Hoàng-Tiến nghe điệu tai bèn xin vàng nhờ Trương lão gia xin đến nói trước với Vạn-Long để định ngày đến hội, mới từ biệt mà trở ra về.

Văn Thông trở về thuật chuyện với Vạn-Long, Vạn-Long bèn chia binh ra mai phục, rồi lại sai Văn-Thông đến hẹn ngày với Hoàng-Tiến.

Đến ngày, Hoàng-Tiến đem 5 chiếc thuyền và vài trăm quân thủ hạ đến dinh Lạch-ngâm để hội với Vạn-Long. Vừa bước vào đến cửa dinh thì quân phục bốn mặt đều đổ ra đánh. Hoàng-Tiến thất kinh biết là mắc mẹo, liền bỏ cả chiến thuyền, dẫn thủ hạ đánh tháo lấy đường mà chạy thoát về phía tây nam. Vạn-Long thừa thắng, kéo quân vào lũy Bến tre, chiêu an dư đảng Long-môn, quân sĩ Long-môn thấy chủ tướng đã chạy trốn rồi, đều phải ra đầu hàng cả. Vạn-Long bèn cho Trần-Thượng-Xuyên làm quản lĩnh để thống-quản quân Long-môn, rồi sai làm tiên phong đi đánh Nặc-Thu.

Nặc-Thu nghe tin Nam-quân kéo đến liệu thế cự địch không nổi, bèn tuyển lấy một người con gái Cao miên tên là Chiêm-giao Tân rất có nhan sắc và lại có tài ứng đối sai đem vàng lụa lại dâng mà nói rằng :

— Nước tôi vốn vẫn thần phục thiên triều, mấy năm nay dâng đồ cống hiến đều bị Hoàng Tiến chặn đường cướp mất. Hoàng-Tiến lại xâm nhiễu bờ cõi, cho nên nước tôi phải phòng bị chứ có dám manh lòng phản nghịch đâu.

Vạn-Long tin nhờ ấy, thâu nhận lễ vật, hạn cho Cao miên phải đem vàng bạc đến chuộc tội, một mặt sai người về báo với Vương triều, một mặt sai tướng chia quân đóng các nơi khai khẩn đất cát làm ruộng chớ không tiến đánh nữa.

Nặc Thu thấy Vạn Long không đánh, cũng cứ dùng dằng không chịu dâng đồ chuộc tội. Vạn Long đóng quân lâu ngày



không được việc gì. Nguyễn thắng-Sơn bèn dâng tờ khai về triều, nói rõ sự tình ấy. Nghĩa vương nổi giận, cách hết quyền chức của Vạn Long mà sai Nguyễn hữu-Hào vào thay chức cho Vạn Long.

Nguyễn hữu Hào phụng mệnh tiến binh vào đóng tại Gò bích. Tháng 5, Nghĩa vương sai trung sứ vào truyền cho Nguyễn hữu Hào rằng :

— Nặc Thu nếu muốn chuộc tội thì phải đem hiến 50 con voi đực, 500 lạng vàng, 2000 lạng bạc thì mới được rút quân về, nếu không được thế thì phải kịp thúc quân tiến đánh.

Hữu Hào sai người đến bảo Nặc Thu, Nặc Thu lại sai Chiêm đao tân đem vàng bạc đến dâng Hữu Hào mà xin hoãn hạn cho dễ thu xếp. Hữu Hào ăn lễ cho hoãn hạn. Nghĩa vương được tin ấy, lại cách hết quyền chức của Hữu Hào. Không bao lâu thì Nghĩa vương mất nên việc kinh lý Cao miên lại đình hoãn lại.

Năm Mậu-dần niên hiệu Chinh hòa nhà Lê thứ 19 (1698) chúa Nguyễn là Minh vương nhân năm ngoái (1697) đã thu cả được đất Chiêm thành vào bản đồ rồi, bấy giờ bèn sai Nguyễn hữu Kinh làm Thống soái đem binh vào kinh lược đất Cao miên, lấy đất Đồng nai Sài-gòn đặt làm phủ Gia định, ở Đồng nai đặt ra huyện Phúc long (nay là Biên-hòa) lập doanh Trấn biên, ở Sài-gòn đặt ra huyện Tân bình, (nay là Gia-định), lập doanh Phiên-trấn, đặt đồn canh giữ, mở mang ra đến nghìn dặm, được hơn 4 vạn nóc nhà, lại chiêu mộ những dân nghèo ở mạn ngoài vào đó, đặt thành xã thôn, khẩn ruộng phá đất, lập ra sổ đinh điền, lại họp bao nhiêu người Tàu ở ngụ tại Trấn biên đặt làm một xã Thanh-hòa, ngụ tại Phiên-trấn đặt làm một xã Minh hương, từ đó các thương g khách cũng thành dân đinh cả.

Tháng 8 năm Kỷ-mão (1699) Nặc-Thu lại làm phản, Minh vương sai Nguyễn-hữu Kinh làm Thống-soái. Phạm-cầm-Long làm Tham-mưu, Nguyễn-hữu-Khánh làm tiên-phong, hội hợp với



tướng sĩ Long-môn đi đánh Cao-miên. Nguyễn-hữu-Kính đem quân đến thẳng thành Nam vang (Nompénh) phá tan quân Cao miên, Nặc-Thu phải đến tại cửa quân xin hàng. Hữu-Kính rút quân về đóng ở gò Lao đồi, gặp khi mưa to gió lớn, gò sụt đổ một mảng đất, tiếng ầm ầm như tiếng sấm. Đêm hôm ấy, Hữu-Kính chiêm bao thấy một người mặt đỏ my trắng, tay cầm cái phủ việt nói rằng : « tướng quân nên về trước cho mau kẻo ở mãi đây thì có điều bất lợi. » Khi tỉnh dậy, nghe thấy trong mình khó ở, nhưng vẫn cười nói như thường để yên bụng quân sĩ. Sau mệt nặng quá phải rút quân về ; về đến Sầm Khê thì mất, bấy giờ ông 51 tuổi. Ông Nguyễn-hữu-Kính là con thứ hai ông Chiêu-võ-hầu Nguyễn-hữu-Dật, thừa nhỏ theo cha đi đánh giặc, trải quen việc hàng trận, trí lược lại hơn người, nước ta mở đất Nam-kỳ, phần nhiều là nhờ ở công lao ông ấy.

Tháng 7 năm Ất-dậu (1705) nước Cao-miên có nội loạn. Nguyên vua Cao miên là Nặc Thu tuổi già, hai con là Nặc Thâm Nặc-Yêm vì tranh ngôi mà đánh lẫn nhau. Nặc-Thâm lại cầu quân Tiêm la đến giúp. Nặc Yêm phải trốn chạy sang cầu cứu với nước ta. Nam triều sai cai cơ Nguyễn-cử-Vân thống lĩnh quân thủy bộ ở Gia-định vào đánh Nặc-Thâm mà đưa Nặc-Yêm về nước. Cử-Vân tiến quân đến Lạch ngâm, gặp quân Tiêm-la. Hai bên đánh nhau dữ dội, rồi quân ta phá được quân Tiêm. Nặc-Thâm phải thu binh chạy trốn sang Tiêm, Cử-Vân bèn đưa Nặc-Yêm về thành La-Bích. Nặc-Thu tình nguyện truyền nước cho Nặc-Yêm, bèn tập phong Nặc-Yêm làm vua Cao-miên.

Năm Mậu tý niên hiệu Vĩnh thịnh nhà Lê thứ 4 (1708), có người Tàu tên là Mạc Cửu, nguyên người Lôi châu tỉnh Quảng đông. Từ khi nhà Minh mất, nhà Thanh lên, bắt người nước Tàu phải gióc tóc để bím theo tục Mãn. Mạc Cửu nghĩ nước mất đàn tan, bị ngoại tộc chúng vào áp bức như thế là nhục, bèn không chịu gióc tóc mà trốn sang Cao-miên. ngụ ở đất Sài mật. Mạc-Cửu sang ở đó thấy có nhiều người các nước tụ hội buôn



bán và hay đánh bạc, bèn mở ra sòng đánh bạc mà lấy tiền hồ, sau lại đào được một hố bạc, làm nên cự phú. Mạc-Cửu bèn mộ người khẩn đất các xứ Phú-quốc, Cần-bột, Giá-khê, Lũng-kỳ, Hươg-áo, Cà-mâu, lập nên 7 xã thôn. Đất ấy nhân có chuyện người tiên hiện ra ở trong sông, bèn đặt tên là đất Hà tiên. Năm Giáp-ngọ (1714) Mạc-Cửu thấy thế ta mạnh, bèn dâng cả đất cát đã khai khẩn được, mà xin phong cho làm chức trấn thủ đất ấy. Minh vương phong cho Mạc-Cửu làm Hà-tiên Tổng-trấn. Mạc-Cửu lĩnh chức lập ra dinh thự, có thành có lũy gọi là Phương-thành. Dân các nơi kéo đến ở đó mỗi ngày mỗi đông, chẳng bao lâu mà thành ra một nơi đô ấp thịnh vượng.

Sang đến đời Nguyễn Ninh-vương, vương thấy đất Gia-định rộng rãi lắm, bèn chia trong địa giới đặt ra châu Định viễn, dựng doanh Long-hồ, về sau là tỉnh Vĩnh-long tỉnh Định-tường.

Lại nói về khi vua Cao-miên là Nặc-yêm mất, con là Nặc-Tha kế lập. Nặc-Thâm ở bên Tiêm về, Nặc-Tha không cho về. Nặc-Thâm đem binh đánh. Nặc-Tha phải chạy ra Gia-định. Nặc-Thâm bèn giữ lấy nước. Đến khi Nặc-Thâm chết, 3 con là Đôn, Hân, Yếm tranh nhau ngôi. Quân ta sang giúp yên được, bèn đưa Nặc-Tha về nước. Con thứ hai của Nặc-Thâm là Nặc-Nguyên cầu viện bên Tiêm về, để đánh Nặc-Tha. Nặc-Tha phải chạy, chẳng bao lâu rồi mất, Nặc-Nguyên bèn làm vua Cao miên. Đời Nguyễn Võ-vương năm Canh ngọ (1750), Nặc-Nguyên cất binh xâm vào Côn-man (thuộc đất Bình-thuận bây giờ). Năm Quý-dậu (1753) Võ-vương sai Thống soái là Thiện-Chính và tham-mưu là Nguyễn-cư-Trình đem binh năm doanh đi đánh. Bốn phủ Lôi-lạp, Tầm-bôn, Cầu-nam, Nam-vinh đều xin hàng. Nặc-Nguyên phải trốn. Ông Cư-Trình chiêu phủ dân Côn-man, hộ tổng hơn 5000 người về đóng ở núi Ba-đình. Đến sau Trương-phúc-Du vào thay Thiện-Chính làm Thống-soái, lại đến đánh thành Nam-vinh, Nặc-Nguyên phải chạy ra Hà-tiên nương nhờ Mạc-thiên-Tứ, xin dâng hai phủ Tầm-bôn, Lôi-lạp



đề chuộc tội. Ông Nguyễn-cư-Trình tâu việc ấy về triều xin hộ, Võ-vương bèn sai rút quân về. Đó là việc năm Đinh-sửu (1757) vậy.

Sang năm sau Mậu dần (1758), Nặc Nguyên mất, người chú họ là Nặc Nhuận quyền coi việc nước, lại dâng 2 phủ Trà vinh, Ba thắc. Nặc Nhuận chẳng bao lâu bị người con rể là Nặc Hinh giết chết. Con Nặc Nhuận là Nặc Tôn phải chạy ra Hà tiên. Mạc thiên Tứ tâu về triều xin cho Nặc Tôn được tập phong. Vương bèn sai tướng sĩ 5 doanh hộ tống Nặc Tôn về nước. Nặc Tôn bèn dâng đất Tầm bôn long và cắt 5 phủ Hương áo, Cần bột, Chân sâm, Sái mặt, Linh quynh để tạ ơn Mạc thiên Tứ, nhưng Thiên tứ cũng lại dâng cả về triều. Ông Trương phúc Du và ông Nguyễn cư Trinh xin dời doanh Long hồ (nguyên ở xứ Cái bầu châu Định viễn) đến xứ Tầm bảo (nay là tỉnh lý Vĩnh long) Ở Sa đư thì đặt làm đạo Đông khẩu, ở Tiền giang thì đặt làm đạo Tân châu, ở Hậu giang thì đặt làm đạo Châu đốc (Năm Minh mệnh thứ 13 (1832) lấy đất Tân châu Châu đốc và tách 2 huyện ở phủ Định viễn (nguyên thuộc Vĩnh long) mà đặt ra làm tỉnh An giang. Gia định, Biên hòa, Định tường, Vĩnh long, An giang Hà tiên đó là Nam kỳ lục tỉnh) lấy 5 phủ Hương áo thuộc về Hà tiên, đặt làm đạo Long xuyên và đạo Kiên giang.

Đó là nước ta đã lấy được toàn cảnh Nam kỳ ngày nay mà bước đường nam tiến đã là đến giáp tận bờ bể Nam vậy.

Tục Chân Lạp sùng tín đạo Phật, vốn từ nước Phù nam khi xưa truyền lại, trong nước chùa quán rất nhiều. Chỗ vua ở, chôn gỗ làm trại, đắp đất làm thành, nhà lợp bằng lá. Những đồ dùng phần nhiều là đồ vàng bạc, nên ngạn ngữ ta có câu « phú quý Chân Lạp ». Quan trật số 10 là trên, mà số 1 là dưới. Các quan vào ra mắt vua phải quỳ gối mà đi vào. Nhà cửa của dân thì rất chật hẹp. Cách ăn mặc chỉ dùng mảnh vải hoa sặc sỡ quàng ngang lưng chứ không có quần áo.

Tính từ sau khi nước ta độc lập, bắt đầu từ năm Ứng thiên



thứ 8 (1000) đời vua Đại hành nhà Tiền Lê quân ta khởi vào đánh Chiêm thành, cho đến năm Cảnh hưng thứ 19 (1758) đời vua Hiền tôn nhà Hậu Lê mà tức là năm thứ 20 đời Võ vương Nam triều, ta lấy được hết đất Thủy Chân Lạp, trong khoảng hơn bảy trăm năm đó dân tộc ta đã tiến về mặt Nam mà chinh phục được Chiêm thành, Chân Lạp mở mang bờ cõi được hai phần ba đất Trung kỳ và toàn cảnh Nam kỳ, tức là vào nửa phần đất nước ta ngày nay, qua ngàn vượt bể, gọi gió tắm mưa, cái công phu khai thác gian nan của các đấng tiên dân ta xưa thật có đại tạo cho chúng ta ngày nay vậy. Tiếc vì thời thế biến thiên, vận hội đổi khác, cho nên bước đường nam tiến của ta thế lực bành trướng của ta, chỉ có đến đấy làm hạn ; chứ nếu không thì biết đâu rằng đến bây giờ bước đường nam tiến của ta lại chẳng xoay ra tây tiến mà làm cho nước Tiêm la sẽ không ăn ngon ngủ yên được với ta rồi. Nhưng mà thôi, ba kỳ đất nước, nghìn dặm non sông, cứ cái thổ địa ấy, cứ cái giang sơn này, anh em chị em hơn hai mươi triệu đồng bào, nếu ta biết nghĩ đến cái công phu người trước, lo đến cái vận mệnh tương lai, mà biết cùng nhau tự tu tự tỉnh, bảo nhau tự phấn tự cường, thì cũng không phải là không đủ cho ta có thể lập nên một nước trang nghiêm sán lạn. Chỉ e rằng bà con ta sống say chết mộng, không biết mở mắt mà trông sau trông trước để lo lấy sự sinh tồn ở giữa cái buổi đời cạnh tranh ưu thắng liệt bại, thì dù tổ tiên ta ngày xưa có chịu khó đổ máu rụng đầu để khai thác được bờ cõi đất đai rộng rãi hơn nữa, nhưng nào có làm gì ! nào có làm gì !

Núi kia ai đắp nên cao ?

Sông kia bề nọ ai đào nên sâu ?

Mong rằng đồng bào ta đọc cuốn « Lịch sử Nam tiến » này sẽ biết cảm nhớ đến công nghiệp của ông cha mà biết tự giác ngộ ra thì cái công phu nhỏ mọn của kẻ viết cuốn sử này, âu cũng không đến nỗi là vô bổ vậy.





# NỮ - LƯU THƯ - QUÁN

Gò-công — Nam-kỳ

ĐÃ XUẤT-BẢN

<i>Gương nữ kiệt</i> — Dịch-giả Phan-thị Bạch-Vân. Giá . . .	0\$30
<i>Gia-đình giáo-dục thường-đàm</i> — Soạn-giả Đạm-Phương nữ-sử. Giá . . . . .	0.50
<i>Giám-hồ nữ-hiệp</i> Soạn-giả Hoàng-thị Tuyết-Hoa. Giá.	0.20
<i>Kim tú cầu</i> — Soạn-giả Đạm-Phương nữ-sử. Giá. . .	0.50

---

## Tiểu thuyết hay

KHUÊ-TÚ ANH-TÀI

Đó là một bộ tiểu-thuyết có chừng mười truyện ngắn rất hay, đều là truyện những trang tiết liệt tài hoa trong làng khuê tú. Đã ra quyền thứ nhất, có trọn 2 quyền : 1. Tiểu Thanh, 2. Dương Bích Thu. Giá 0\$12.

GÁI TRẢ THÙ NHÀ

Truyện một người con gái gặp cơn gia-biến, cả nhà đều ngộ hại, nàng lập chí báo được oan cừ rồi cũng tự đâm cổ mà chết. Rất thảm mà rất hay ! Một quyền trọn truyện giá 0\$18.

DANH-SĨ GIAI-NHIÊN

Tức là Ngọc uyên ương, người Tàu đã liệt vào hạng kỳ thư, trong có đủ danh-sĩ mỹ-nhân, kỳ-duyên diễm sự. Bốn quyền trọn bộ, đã ra đến quyền thứ ba, giá bán mỗi quyền 0\$12.

DƯỚI HOA

Tức Ngọc Lê Hồn của ông Từ-Châm-Á. ông Nhượng-Tống dịch ra quốc-ngữ, văn-chương cực-kỳ khoái-trá như văn truyện Kiều vậy. Đã ra đến quyền thứ 5, giá bán mỗi quyền 0\$10. Quyền thứ nhất mới in lại xong, giá 0\$12.

Các sách trên này bán buôn tại Trúc-Khê thư-cục, 196 phố Hàng Bông Hanoi.



一千九百二十九年正月

越南民族南進史

竹溪吳文篆編撰